TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 208/2026/HNGĐ-ST Ngày: 04 - 6 - 2026 *V/v*: *"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa anh chị Nhung và anh Dũng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Phi Trường;

Ông Nguyễn Chí Hợp.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 103/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Chị Lưu Thị N, sinh năm 1991; Số căn cước công dân: 042191010511; nơi cư trú: Xóm M, xã M, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

***- Bị đơn*:** Anh Lại Văn D, sinh năm 1982; số căn cước công dân: 036082012130; nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Văn D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã B, huyện G, tỉnh Nam Định, nay là xã G, tỉnh Ninh Bình, cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/5/2014. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp; anh D không quan tâm đến vợ con, ham chơi bời làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vì vậy, chị đã bỏ về nhà ngoại ở xóm M, xã M, tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân

từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lại Văn D.

Về con chung: Chị và anh Lại Văn D có 01 con chung là Lại Việt C, sinh ngày 01/02/2014; hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, anh Lại Văn D: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lại Văn D theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh D không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D.

Giao con chung Lại Việt C, sinh ngày 01/02/2014 cho chị Lưu Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn để tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lưu Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lại Văn D. Xét thấy tranh chấp giữa chị N và anh D là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Lại Văn D cư trú tại Thôn Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Lưu Thị N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lại Văn D đã được triệu tập đến phiên toà lần hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị N và anh D theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 21/7/211 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Nam Định nay là xã G, tỉnh Ninh Bình. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh D không quan tâm đến gia đình ham chơi làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay; bản thân anh D không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm trình bày ý kiến. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D đã trầm trọng, không có cách giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D có 01 con chung là Lại Việt C, sinh ngày 01/02/2014; hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn, N có nguyện vọng nhận nuôi con chung, anh D không trình bày nguyện vọng của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu C cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là chị Lưu Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

+ Về con chung: Giao cháu Lại Việt C, sinh ngày 01/02/2014 cho chị Lưu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Về cấp dưỡng: Anh Lại Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lại Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 2641 ngày 27/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị N đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lưu Thị N và anh Lại Văn D có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang